

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-ST

Ngày: 13-6-2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2020/HSST ngày 20 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HS ngày 01/6/2020 đối với bị cáo:

**Vũ Thị T;** giới tính: Nữ; sinh ngày 20/02/1972; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hóa): 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn Đ (đã chết), ông Đ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1932; gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu; có chồng là Vũ Văn Q (đã chết), có 03 con (đều đã chết). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2020 đến ngày 22/3/2020 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trần Văn S, sinh năm 1994 (vắng mặt)  
Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- *Người chứng kiến:*

1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1955 (vắng mặt)  
Trú tại: Tổ 07, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
2. Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1986 (vắng mặt)  
Trú tại: Tổ 31, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/3/2020, bị cáo Vũ Thị T đi xe buýt từ nhà đến khu vực Công viên L, tổ 11, phường Đ, thành phố T, mục đích tìm mua ma túy để bán kiếm lời. Tại đây, bị cáo T gặp và mua của một người nam giới khoảng 55 tuổi, không biết tên, địa chỉ 500.000 đồng được 05 gói ma túy, loại Hêrôin, 01 gói được gói bằng giấy tráng kim loại màu trắng, 04 gói bằng nilon màu đen. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T cất giấu vào túi áo khoác bên phải rồi đi bộ đến khu vực ngã tư đường Q giao đường B, thuộc tổ 02, xã P, thành phố T chờ ai mua ma túy thì bán. Khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Trần Văn S đến gặp bị cáo T hỏi mua 01 gói Hêrôin, bị cáo T đồng ý và bán cho anh S 01 gói Hêrôin với giá 200.000 đồng, anh S đưa cho bị cáo T 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, bị cáo nhận tiền rồi lấy từ túi áo khoác ra đưa cho anh S 01 gói được gói bằng giấy tráng kim loại màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục là Hêrôin có khối lượng 0,0591 gam, khi anh S vừa nhận gói Hêrôin và cầm ở lòng bàn tay trái thì bị tổ công tác Công an thành phố T phát hiện, bắt giữ. Trước sự chứng kiến của bà Bùi Thị H và anh Trịnh Quốc T, anh S đã tự giác giao nộp cho tổ công tác gói Hêrôin vừa mua của bị cáo T, tổ công tác đã niêm phong trong phong bì ký hiệu M1. Bị cáo T đã tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và khai nhận đó là tiền vừa bán 01 gói Hêrôin cho anh S mà có. Sau đó, bị cáo T lấy từ túi áo khoác bên phải giao nộp cho tổ công tác 04 gói, mỗi gói được gói bằng nilon màu đen, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục là Hêrôin có tổng khối lượng 0,9555 gam, tổ công tác đã niêm phong trong phong bì ký hiệu M2. Tổ công tác đã yêu cầu bị cáo T và anh S, mời người chứng kiến về trụ sở Công an xã P để làm việc. Tại đây, kiểm tra người anh S không phát hiện và thu giữ gì, kiểm tra người bị cáo T thu

tại túi áo khoác bên trái 01 điện thoại di động Nokia 2730C màu đen trắng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý, niêm phong vật chứng.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình đã tiến hành khám xét chỗ ở của Vũ Thị T tại thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình, qua khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản kết luận giám định số 101/KLGD-PC09, ngày 20/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng **0,0591 gam** (*không thấy không nghìn năm trăm chín mươi mốt gam*). Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng **0,9555 gam** (*không thấy chín nghìn năm trăm năm mươi lăm gam*).

Cáo trạng số 71/CT-VKSTPTB ngày 19/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38; điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2020. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.0000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- + Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại sau giám định.

- + Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo.

+ Trả lại bị cáo Vũ Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2730C màu trắng đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ điều 331, điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình; của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố T lập hồi 17 giờ 20 phút ngày 19/3/2020 tại trụ sở Công an xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (bút lục số 03 đến 06); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Công an thành phố T lập ngày 19/3/2020 (bút lục số 36); bản Kết luận giám định số 101/KLGĐ - PC09 ngày 20/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 41A, 41B); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn S (bút lục số 73 đến 78); lời khai của những người chứng kiến là bà Bùi Thị H và anh Trịnh Quốc T (bút lục số 63 đến 72). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa

điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ ngày 19/3/2020, tại khu vực ngã tư đường Q giao nhau với đường B, thuộc tổ 02, xã P, thành phố T, bị cáo Vũ Thị T có hành vi bán cho anh Trần Văn S 0,0591 gam ma túy, loại Hêrôin lấy 200.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Vũ Thị T còn tàng trữ trái phép 0,9555 gam ma túy, loại Hêrôin, mục đích để bán kiếm lời bị Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Tổng khối lượng Hêrôin bị thu giữ là **1,0146** gam. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: Tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: “1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy đã gây ra những tác hại khôn lường cho sức khỏe, trí tuệ, nhân cách và nòi giống con người, ma túy còn gây ra biết bao hiểm họa nghiêm trọng khác cho xã hội, là nguồn gốc phát sinh hàng loạt các loại tội phạm, là tác nhân lan truyền đại dịch thế kỷ HIV-AIDS, là yếu tố phá vỡ hạnh phúc biết bao gia đình có người nghiện...Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, vì vậy, Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Do bị cáo bán ma túy mục đích thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Vũ Thị T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thơm có nhân thân tốt thể hiện bằng việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ của bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến nên bị cáo được áp

dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo T khai mua của một người nam giới khoảng 55 tuổi không biết tên và địa chỉ tại khu vực công viên L, tổ 11, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[6] Đối với anh Trần Văn S đã có hành vi mua 0,0591 gam Hêrôin của bị cáo T mục đích để sử dụng, xét thấy, anh S chưa bị kết án về tội phạm ma túy, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi có liên quan đến ma túy, khối lượng ma túy tàng trữ chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 09/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền 1.500.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Số ma túy thu giữ của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo T, xét thấy, đây là tiền do bị cáo bán ma túy mà có nên áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2730C màu trắng đen thu giữ của bị cáo T, xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên áp dụng điều 46 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, khoản 5 điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38; điều 50; điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ vào điều 106; điều 135; điều

136; điều 331; điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T **02** (hai) năm **09** (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị T 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo Vũ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn S được hoàn lại sau giám định niêm phong trong 02 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định ghi số M1 101/KLGD và M2 101/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Vũ Thị T được niêm phong trong phong bì ghi: “Vật chứng thu giữ của Vũ Thị T”.

3.3. Trả lại bị cáo Vũ Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2730C màu trắng đen nhưng giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

(Các vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 29/5/2020).

4. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Bị cáo Vũ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/6/2020; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**